

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày tháng 5 năm 2026

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
MỘT SỐ CHẾ ĐỘ, ĐỊNH MỨC CHI TÀI CHÍNH PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG VỚI NGHỊ QUYẾT SỐ 16/2021/NQ-
HĐND NGÀY 10/12/2021 QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHẾ ĐỘ, ĐỊNH MỨC CHI TÀI CHÍNH PHỤC VỤ HOẠT
ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

(Kèm theo Công văn số: /KTNS-CTHĐND ngày /5/2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND thành phố)

A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN MỚI	THUYẾT MINH
Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 quy định một số chế độ, định mức chi tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp thành phố Hải Phòng	Dự thảo Quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp thành phố Hải Phòng	
<i>- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; - Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; - Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; - Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của</i>	<i>- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025; - Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; - Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025; Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ</i>	Cập nhật căn cứ pháp lý mới khi thực hiện chuyển đổi mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

<i>Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;</i> <i>- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;</i> <i>- Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;</i> <i>- Căn cứ Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 ngày 20 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Quốc hội;</i> <i>- Thực hiện Công văn số 452/BCTĐB-CTĐB ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Ban Công tác đại biểu Quốc hội về việc áp dụng định mức chi tiêu tài chính;</i>	<i>Quốc hội Quy định chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;</i>	
Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND quy định trực tiếp một số chế độ, định mức chi tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp thành phố Hải Phòng. Trong đó các nội dung quy định chế độ mức chi tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố được ban hành bằng hình thức phụ lục đính kèm Nghị quyết. Trong đó Chế độ mức chi tài chính áp dụng cho các đối tượng áp dụng bao gồm Hội đồng nhân dân cấp thành phố; cấp huyện; cấp xã.	Dự thảo Nghị quyết mới ban hành kèm theo Quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban Hội đồng nhân dân cấp thành phố và cấp xã trên địa bàn thành phố Hải Phòng.	Do thực hiện chế độ chính quyền địa phương 02 cấp nên dự thảo Nghị quyết xây dựng chế độ chi cho hoạt động của HĐND thành phố và HĐND cấp xã

<u>Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND:</u> Điều 1. Quy định một số chế độ, định mức chi tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp thành phố Hải Phòng 1. Nội dung chi a) Chi phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, quận, huyện. b) Chi phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. 2. Chế độ và định mức chi: Thực hiện theo Phụ lục kèm theo Nghị quyết này. 3. Các chế độ và định mức chi không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Điều 2. Tổ chức thực hiện 1. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan thực hiện Nghị quyết. Mức chi dành cho từng cá nhân trong quá trình tham gia xây dựng văn bản theo Nghị quyết này do Thường trực Hội đồng nhân dân	<u>Dự thảo Nghị quyết mới:</u> Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp thành phố Hải Phòng Điều 2. Tổ chức thực hiện 1. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan thực hiện Nghị quyết. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng	
---	--	--

các cấp quyết định. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết. 3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 157/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 về quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng; được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVI, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022./.	nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết. 3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định một số chế độ, định mức chi tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp thành phố Hải Phòng 4. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày tháng năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày/...../2026./.	
	Quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp thành phố Hải Phòng gồm: Chương I. Quy định chung Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1. Quy định này quy định một số chế độ, định mức chi tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp thành phố Hải Phòng. 2. Ngoài các chế độ, chính sách và các điều kiện	Dự thảo văn bản mới ban hành dưới hình thức Quy định kèm theo Nghị quyết do vậy cần thiết phải có sự điều chỉnh, bổ sung tại Chương I. Quy định chung. Trong đó quy định rõ về: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguồn kinh phí thực hiện, nguyên tắc áp dụng. Đối với nội dung Chương II. Một số chế độ, định mức chi tài chính phục vụ hoạt động của HĐND các cấp thành phố Hải Phòng.

Phụ lục các nội dung quy định chế độ, mức chi tài chính phục vụ hoạt động của HĐND	bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân ban hành tại Quy định này, các chế độ, chính sách khác thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành. Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng. 2. Hội đồng nhân dân xã, phường, đặc khu thành phố Hải Phòng. 3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp thành phố Hải Phòng. Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện Các khoản chi phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp được phân bổ trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của các cấp ngân sách. Điều 4: Nguyên tắc áp dụng Việc thực hiện chế độ, chính sách, các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp được bố trí trong dự toán của từng cấp ngân sách, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo đúng chế độ, định mức, đối tượng theo Quy định này. Kinh phí hoạt động phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả. Chương II. Một số chế độ, định mức chi tài chính phục vụ hoạt động của HĐND các cấp	Có sự điều chỉnh về kết cấu mục chi theo hướng: - Các nội dung trình kỳ họp HĐND - Chi cho hoạt động tiếp xúc cử tri - Chi cho hoạt động giữa 2 kỳ họp - Chi cho hoạt động chất vấn, giải trình; xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo; giám sát, khảo sát - Chi chế độ đối với đại biểu HĐND - Chi cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ hoạt động của HĐND các cấp
--	---	--

các cấp trên địa bàn thành phố: I. Công tác chuẩn bị phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân II. Công tác phục vụ hoạt động chất vấn, giải trình III. Công tác phục vụ hoạt động giám sát, khảo sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân (gồm cả giám sát giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo) (Đối với các Tổ đại biểu chỉ thực hiện ở thành phố và cấp huyện) IV. Công tác phục vụ hoạt động tiếp xúc cử tri V. Các chế độ của đại biểu Hội đồng nhân dân VI. Chi hoạt động khác	thành phố Hải Phòng Điều 5. Các nội dung trình kỳ họp Hội đồng nhân dân - Chi cho công tác thẩm tra - Chi công tác soạn thảo xây dựng tờ trình, đề án, dự thảo nghị quyết (do Thường trực, các Ban HĐND trình); rà soát về nội dung kỹ thuật hoàn thiện Nghị quyết - Chi cho công tác xây dựng các văn bản khác của Thường trực HĐND, các Ban HĐND - Chế độ tham dự kỳ họp Điều 6. Chi cho hoạt động tiếp xúc cử tri Điều 7. Chi cho hoạt động giữa 2 kỳ họp Điều 8. Chi cho hoạt động chất vấn, giải trình; xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo; giám sát, khảo sát - Chi cho hoạt động chất vấn, giải trình; xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo - Chi cho hoạt động giám sát, khảo sát Điều 9. Chi chế độ đối với đại biểu HĐND Điều 10. Chi cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ hoạt động của HĐND các cấp	
Thuyết minh một số điều chỉnh về một số nội dung, mức chi cụ thể tại dự thảo văn bản mới: - Một số nội dung quy định về chế độ, định mức phục vụ hoạt động của HĐND chưa bao quát hết yêu cầu thực tiễn trên địa bàn thành phố mới sau hợp nhất.		

- Nhiều mức chi hiện hành còn thấp, chưa bảo đảm đầy đủ điều kiện cần thiết cho hoạt động của HĐND thành phố khi địa giới hành chính có sự điều chỉnh mở rộng; lương cơ bản đã có sự điều chỉnh tăng; một số mức chi tham chiếu tại các quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Văn phòng Quốc hội về các mức chi cho hoạt động của đại biểu Quốc hội đã có sự điều chỉnh tăng. Do vậy cần thiết phải có sự điều chỉnh tăng định mức.

- Một số nội dung hoạt động thực tế của HĐND các cấp, nhất là HĐND cấp xã trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp, chưa có chế độ, định mức chi cụ thể.

- Chế độ, định mức chi hiện nay chưa thể hiện đầy đủ sự quan tâm, động viên đối với đội ngũ tham mưu, giúp việc cho HĐND; chưa tạo được cơ chế khuyến khích, thu hút cán bộ, công chức có năng lực và chuyên môn tốt tham gia phục vụ hoạt động của cơ quan dân cử.

- Nghị quyết về chế độ, định mức chi cũ chưa đáp ứng được yêu cầu công việc của đại biểu khi thực hiện chuyển đổi mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; yêu cầu đòi hỏi ngày càng cao trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay.

Ví dụ: Bổ sung thêm một số nội dung chi, mức chi cho hoạt động tiếp xúc cử tri theo hình thức trực tuyến; Chi cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ hoạt động của HĐND các cấp được quy định cụ thể căn cứ vào thẩm quyền mua sắm tài sản công của thủ trưởng cơ quan, đơn vị; cập nhật cơ sở dữ liệu tài liệu, văn bản, nghị quyết lên hệ thống phần mềm; theo dõi tổng hợp ý kiến, kiến nghị trực tuyến.

- Dự thảo Nghị quyết đã có sự tiếp thu, kế thừa Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 29/10/2021 quy định một số chế độ, mức chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Hải Dương, nhiệm kỳ 2021 – 2026 (*trước sắp xếp đã ban hành*) về việc bổ sung nội dung chi hoạt động điều tra, thống kê thu thập thông tin của Thường trực HĐND, các Ban HĐND thành phố.

- Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh bỏ một số nội dung, mức chi không còn phù hợp theo quy định và thực tiễn áp dụng.

Do vậy dự thảo Nghị quyết mới cần thiết phải có sự điều chỉnh, bổ sung về nội dung chi, tăng mức chi cụ thể cho hoạt động của HĐND thành phố và HĐND các xã, phường, đặc khu trên địa bàn thành phố Hải Phòng so với Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 quy định một số chế độ, định mức chi tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp thành phố Hải Phòng cụ thể như sau:

B. THUYẾT MINH NỘI DUNG CÁC MỨC CHI CỤ THỂ

I. Các nội dung trình kỳ họp HĐND (Không bao gồm các nội dung trình kỳ họp là văn bản quy phạm pháp luật)

Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng khoá XVII, nhiệm kỳ 2026-2031 đã ban hành Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND ngày 20/4/2026 về Quy định, nội dung chi, mức chi kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật áp dụng thực hiện trên địa bàn thành phố Hải Phòng, do vậy dự thảo Nghị quyết mới không quy định những nội dung chi, mức chi trình Hội đồng nhân dân là văn bản quy phạm pháp luật.

1. Chi cho công tác thẩm tra

ST T	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi tại Nghị quyết 16/NQ-HĐND		Mức chi dự thảo Nghị quyết xây dựng mới		Thuyết minh điều chỉnh, bổ sung so với Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021
			Cấp TP	Cấp xã	Cấp TP	Cấp xã	
1.1	Xây dựng báo cáo thẩm tra trình tại kỳ họp	Nghìn đồng/ văn bản	2.400	800	3.800	1.900	- Tham khảo mức chi tại Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết 524/2012/UBTVQH13 (mức chi từ 4.500.000 đồng đến 7.500.000 đồng/báo cáo) - Điều chỉnh tăng mức chi do tính chất công việc phức tạp hơn.
1.2	Chi cho cuộc họp thẩm tra: - Người chủ trì - Thành viên dự họp						- Tham khảo mức chi tại Khoản 3 Điều 3 Nghị quyết 524/2012/UBTVQH13 mức chi từ 200-100
	Người chủ trì	Nghìn đồng /buổi/người	250	150	250	150	Mức chi không điều chỉnh
	Thành viên dự họp	Nghìn đồng /buổi/người	130	70	130	70	Mức chi không điều chỉnh; điều chỉnh gộp nội dung chi: cán bộ, chuyên viên, nhân viên văn phòng phục vụ trực tiếp, các đối tượng phục vụ khác thành nội dung chi các thành viên dự họp.

2. Chi công tác soạn thảo, xây dựng tờ trình, đề án, dự thảo nghị quyết (do Thường trực HĐND, các Ban HĐND trình); rà soát về nội dung, kỹ thuật, hoàn thiện Nghị quyết

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi tại Nghị quyết 16/NQ-HĐND		Mức chi dự thảo Nghị quyết xây dựng mới		Thuyết minh điều chỉnh, bổ sung so với Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021
			Cấp TP	Cấp xã	Cấp TP	Cấp xã	
2.1	Xây dựng mới tờ trình, đề án (không bao gồm Tờ trình, dự thảo Nghị quyết về nhân sự; Nghị quyết)	Nghìn đồng/ văn bản	4.000	1200	5.000	1.500	- Tham chiếu mức chi, nội dung Khoản 4 Điều 10 Nghị quyết 524/2012/UBTVQH13 (mức chi từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/báo cáo) - Điều chỉnh tăng mức chi do tính chất công việc phức tạp hơn. - Điều chỉnh bỏ nội dung chi xây dựng mới dự thảo nghị do đã bố trí nội dung tiếp thu chỉnh sửa, rà soát kỹ thuật hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và chi xây dựng tờ trình, đề án) - Điều chỉnh: Không quy định đối với sửa đổi, bổ sung tờ trình, đề án
2.2	Xây dựng tờ trình về công tác nhân sự tại kỳ họp	Nghìn đồng/ văn bản	4.000	1200	2.000	1.000	- Điều chỉnh tách nội dung và giảm mức chi do tính chất công việc đối với những văn bản về công tác nhân sự so với Nghị quyết số 16/NQ-HĐND.
2.3	Tiếp thu, chỉnh lý, rà soát kỹ thuật, hoàn thiện Dự thảo nghị quyết	Nghìn đồng/ văn bản	400	150	1.000	500	- Tham khảo mức chi, nội dung chi tại Khoản 6 Điều 3 Nghị quyết 524/2012/UBTVQH13 (mức chi từ 1.500.000 đồng đến 2.500.000 đồng/dự án luật) - Điều chỉnh tăng mức chi do tính chất công việc

3. Chi cho công tác xây dựng các văn bản khác của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi tại Nghị quyết 16/NQ-HĐND		Mức chi dự thảo Nghị quyết xây dựng mới		Thuyết minh điều chỉnh, bổ sung so với Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021
			Cấp TP	Cấp xã	Cấp TP	Cấp xã	
3.1	Kế hoạch chuẩn bị kỳ họp						- Điều chỉnh tăng mức chi do tính chất công việc
	- Kỳ họp thường lệ	Nghìn đồng/ văn bản	1.200	400	4.000	2.000	
	- Kỳ họp chuyên đề	Nghìn đồng/ văn bản			2.000	1.000	- Điều chỉnh tách riêng đối với nội dung chi kế hoạch chuẩn bị kỳ họp chuyên đề
3.2	Kế hoạch tuyên truyền về kỳ họp	Nghìn đồng/ văn bản	650	200	1.000	500	- Điều chỉnh tăng mức chi do tính chất công việc
3.3	Báo cáo kết quả công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân trình tại kỳ họp	Nghìn đồng/ văn bản	2.500	800	5.000	2.500	- Điều chỉnh tăng mức chi do tính chất công việc
3.4	Báo cáo hoạt động giám sát, chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân trình kỳ họp	Nghìn đồng/ văn bản	2.500	800	5.000	2.000	- Điều chỉnh tăng mức chi do tính chất công việc
3.5	Chương trình điều hành kỳ họp, Chương trình chất vấn, Chương trình điều hành nhân sự, các văn bản tham mưu khác	Nghìn đồng/ văn bản	650	200	2.000	1.000	- Điều chỉnh bổ sung nội dung chi Chương trình chất vấn, Chương trình điều hành nhân sự, các văn bản tham mưu khác phục vụ kỳ họp do Nghị quyết số 16/NQ-HĐND chưa quy định và tính chất

	phục vụ kỳ họp.						<i>phức tạp, quan trọng của nội dung chất vấn, tham mưu phục vụ kỳ họp. - Điều chỉnh tăng mức chi do tính chất công việc.</i>
3.6	Xây dựng biên bản kỳ họp; gợi ý thảo luận tổ; phân tổ thảo luận.	Nghìn đồng/ văn bản	1.200	400	2.000	1.000	<i>- Điều chỉnh tăng mức chi do tính chất công việc - Điều chỉnh bổ sung nội dung chi gợi ý thảo luận tổ, phân tổ thảo luận.</i>
3.7	Nội dung tổng kết nhiệm kỳ						<i>- Tham khảo Khoản 2 Điều 10 Nghị quyết 524/2012/UBTVQH13 (mức chi tối đa là 5.000.000 đồng/văn bản)</i>
	- Chương trình; kế hoạch tổng kết nhiệm kỳ	Nghìn đồng/ văn bản	3.500	1.500	2.000	1.000	<i>- Điều chỉnh giảm mức chi do tính chất công việc và thực hiện tách nội dung chi so với Nghị quyết số 16/NQ-HĐND.</i>
	- Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ	Nghìn đồng/ văn bản			5.000	2.000	<i>- Điều chỉnh tăng mức chi do tính chất công việc</i>
3.8	Nội dung tổng hợp thảo luận tổ						<i>- Điều chỉnh tăng mức chi và tách nội dung chi do tính chất công việc giữa báo cáo tổng hợp của các tổ và từng tổ.</i>
	- Báo cáo tổng kết ý kiến thảo luận của Tổ đại biểu	Nghìn đồng/ văn bản			2.000	500	
	- Báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận của các Tổ đại biểu	Nghìn đồng/ văn bản	1.300	400	4.000	2.000	
3.9	Bài khai mạc; bài bế mạc kỳ họp; các bài phát biểu chỉ đạo của lãnh đạo cấp trên	Nghìn đồng/ văn bản	1.300	400	3.000	1.000	<i>- Điều chỉnh tăng mức chi do tính chất công việc - Điều chỉnh bổ sung nội dung chi các bài phát biểu chỉ đạo của lãnh đạo cấp trên</i>
3.10	Thông báo kết luận của chủ tọa kỳ họp về ý kiến phát biểu của Ủy viên UBND, đại diện các cơ quan trực thuộc UBND.	Nghìn đồng/ văn bản			2.000	500	<i>- Bổ sung nội dung chi, mức do tính chất công việc</i>
3.11	Cập nhật cơ sở dữ liệu của tài liệu, văn bản, Nghị quyết lên hệ thống phần mềm	Nghìn đồng/ kỳ họp			1.000	500	<i>- Bổ sung nội dung, mức chi do tính chất công việc khi ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.</i>
3.12	Thông báo kết quả kỳ họp	Nghìn đồng/ văn bản	1.200	400	1.000	500	<i>- Điều chỉnh tăng nội dung, mức chi do tính chất công việc</i>

4. Chế độ tham dự kỳ họp

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi tại Nghị quyết 16/NQ-HĐND		Mức chi Nghị quyết xây dựng mới		Thuyết minh điều chỉnh, bổ sung so với Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021
			Cấp TP	Cấp xã	Cấp TP	Cấp xã	
4.1	Chế độ tham dự các kỳ họp (Đại biểu thực hiện nhiều nhiệm vụ theo sự phân công chỉ được hưởng 01 mức cao nhất)						- Điều chỉnh tăng mức chi do tính chất công việc
	Chủ tọa kỳ họp	Nghìn đồng/ người/ buổi	400	130	650	400	
	Thư ký kỳ họp	Nghìn đồng/ người/ buổi	300	100	500	300	
	Đại biểu Hội đồng nhân dân và khách mời	Nghìn đồng/ người/ buổi	250	90	400	200	
	Cán bộ, công chức Văn phòng tham mưu, giúp việc trực tiếp cơ quan Hội đồng nhân dân.	Nghìn đồng/ người/ buổi	130	65	200	100	- Điều chỉnh tách riêng nội dung chi cho cán bộ, công chức Văn phòng tham mưu, giúp việc trực tiếp cơ quan Hội đồng nhân dân
	Nhân viên, người lao động Văn phòng tham mưu giúp việc trực tiếp cơ quan Hội đồng nhân dân và các đối tượng phục vụ khác (nhân viên Y tế, lực lượng công an, bảo vệ, lái xe đưa đón của đại	Nghìn đồng/ người/buổi	70	30	130	50	- Điều chỉnh gộp đối tượng nhân viên, người lao động vào đối tượng phục vụ khác - Điều chỉnh mức chi cho phù hợp do tính chất công việc

	<i>biểu)</i>						
4.2	Chế độ ăn, nghỉ của đại biểu tham gia kỳ họp						- Điều chỉnh bổ sung nội dung chi do tính chất công việc
	- Hỗ trợ phòng nghỉ cho đại biểu (theo đăng ký của đại biểu)	<i>Người/ ngày</i>	Thanh toán theo thực tế		Thanh toán theo thực tế nhưng không vượt quá mức trần của Bộ Tài chính		- Điều chỉnh thẩm quyền quyết định của Thường trực HĐND thành phố sang thực hiện thanh toán theo thực tế nhưng không vượt quá mức trần của Bộ Tài chính.
	- Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu và các đối tượng đăng ký ăn tập trung tham gia, phục vụ kỳ họp HĐND	Nghìn đồng/ người/ngày			300	200	- Bổ sung mới nội dung, mức chi. Trên cơ sở căn cứ thực tế triển khai thực hiện và tham khảo Điều 31 Thông tư 35/2026 của BTC về chế độ tiếp khách trong nước có quy định mức chi hỗ trợ tiền ăn là 600/suất; Quy định số 113-QĐ/VPTW; Thông tư số 12/2025/TT-BTC quy định mức chi tiền ăn là 450/người/ngày; Hướng dẫn số 708/HD-VPQH quy định mức chi 400/người/ngày

Điều 6. Chi cho hoạt động tiếp xúc cử tri

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi tại Nghị quyết 16/NQ-HĐND		Mức chi dự thảo Nghị quyết xây dựng mới		Thuyết minh điều chỉnh, bổ sung so với Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021
			Cấp Tp	Cấp xã	Cấp Tp	Cấp xã	
5.1	Kế hoạch tiếp xúc cử tri	Nghìn đồng/ văn bản	650	200	2.000	1.000	- Điều chỉnh tăng do tính chất công việc - Điều chỉnh chuyển từ mục chi chuẩn bị các văn bản phục vụ kỳ họp sang nội dung chi cho hoạt động tiếp xúc cử tri.

5.2	Báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri của các tổ đại biểu	Nghìn đồng/ văn bản	800	250	6.000	2.000	- Điều chỉnh tăng do tính chất công việc - Điều chỉnh chuyển từ mục chi chuẩn bị các văn bản phục vụ kỳ họp sang nội dung chi cho hoạt động tiếp xúc cử tri.
5.3	Báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri tại các cuộc tiếp xúc cử tri của Tổ đại biểu	Nghìn đồng/ văn bản	500	130	500	200	- Điều chỉnh tăng mức các tổ đại biểu HĐND cấp xã do tính chất công việc. - Điều chỉnh chuyển từ mục chi chuẩn bị các văn bản phục vụ kỳ họp sang nội dung chi cho hoạt động tiếp xúc cử tri. - Điều chỉnh tách riêng nội dung chi tổng hợp của từng tổ đại biểu.
5.4	Tổng hợp rà soát kết quả giải quyết kiến nghị cử tri	Nghìn đồng/ văn bản			3.000	1.000	- Bổ sung nội dung, mức chi do tính chất công việc
5.5	Theo dõi, biên tập, tổng hợp ý kiến kiến nghị cử tri trực tuyến hàng tháng	Nghìn đồng/ 6 tháng			6.000	2.000	- Bổ sung nội dung, mức chi do tính chất công việc
5.6	Hỗ trợ các điểm tiếp xúc cử tri						
	- Điểm tiếp xúc cử tri trực tiếp	Nghìn đồng/ điểm	5.000	1.500	7.000	2.000	- Điều chỉnh tăng mức chi do tính chất công việc
	- Điểm tiếp xúc cử tri trực tuyến	Nghìn đồng/điểm			3.500	1.000	- Bổ sung nội dung, mức chi cho hoạt động tiếp xúc cử tri trực tuyến do tính chất công việc

Điều 7: Chi cho hoạt động giữa 02 kỳ họp (Không bao gồm các nội dung chi là văn bản quy phạm pháp luật)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi tại Nghị quyết 16/NQ-HĐND	Mức chi dự thảo Nghị quyết xây dựng mới	Thuyết minh điều chỉnh, bổ sung so với Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021
-----	----------	-------------	-----------------------------------	---	--

			Cấp TP	Cấp xã	Cấp TP	Cấp xã	
1	Chương trình công tác, Chương trình giám sát của Thường trực HĐND, các ban HĐND	Nghìn đồng /văn bản			1.000	500	- Bổ sung nội dung, mức chi do tính chất công việc
2	Báo cáo kết quả công tác quý của Thường trực Hội đồng nhân dân	Nghìn đồng /văn bản			3.000	1.500	- Bổ sung nội dung, mức chi do tính chất công việc. Trên cơ sở tham khảo Khoản 4 Điều 10 Nghị quyết 524/2012/UBTVQH13 (mức chi từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/báo cáo)
3	Báo cáo thẩm tra của các Ban trình Thường trực Hội đồng nhân dân (không bao gồm thẩm tra các nội dung quy phạm pháp luật)	Nghìn đồng /văn bản	1.700	600	2.000	1.000	- Điều chỉnh tăng mức chi do tính chất công việc. Trên cơ sở tham khảo Khoản 4 Điều 10 Nghị quyết 524/2012/UBTVQH13 (mức chi từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/báo cáo)
4	Soạn thảo các văn bản thông báo ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân đối với các nội dung UBND cùng cấp trình	Nghìn đồng /văn bản			2.000	1.000	- Điều chỉnh bổ sung mức chi do tính chất công việc
5	Nghị quyết của Thường trực Hội đồng nhân dân	Nghìn đồng /văn bản			300	150	- Điều chỉnh bổ sung mức chi do tính chất công việc
6	Soạn thảo bài phát biểu, phỏng vấn, tham luận của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân tại các hội nghị do cơ quan khác tổ chức	Nghìn đồng /văn bản	1.000		2.000	1.000	- Điều chỉnh bổ sung nội dung cho cấp xã và tăng mức chi của cấp thành phố do tính chất công việc
7	Xây dựng các văn bản tham gia ý kiến, tổng hợp ý kiến xây dựng pháp luật	Nghìn đồng /văn bản	1.000		1.000		- Giữ nguyên so với phương án cũ
8	Chi các cuộc họp của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Văn phòng với các cơ quan liên quan; hội thảo; hội nghị giao ban; tập huấn; các cuộc họp giám sát, khảo sát; tiếp						- Điều chỉnh gộp đối tượng phục vụ khác, điều chỉnh tăng mức chi do tính chất công việc

	xúc cử tri.						
	- Chủ trì	Nghìn đồng Người/buổi	250	150	250	150	- Giữ nguyên so với phương án cũ
	- Đại biểu tham dự	Nghìn đồng Người/buổi	130	70	150	100	- Điều chỉnh tăng mức chi do tính chất công việc
	- Nhân viên phục vụ trực tiếp, lái xe đưa đón đại biểu	Nghìn đồng Người/buổi	100	50	100	50	- Giữ nguyên mức chi so với phương án cũ
	- Đối tượng phục vụ khác	Nghìn đồng Người/buổi	70	30			- Điều chỉnh gộp vào đối tượng là nhân viên phục vụ trực tiếp, lái xe đưa đón đại biểu
9	Chi xây dựng Kế hoạch; Kịch bản; Kết luận tại các cuộc hội thảo	Nghìn đồng /văn bản			2.000	1.000	- Bổ sung nội dung, mức chi do tính chất công việc
10	Kết luận giám sát quyết định của UBND cùng cấp, Nghị quyết, quyết định do HĐND, UBND cấp dưới	Nghìn đồng /văn bản	500	130			- Bổ sung nội dung, mức chi này do tính chất công việc
11	Xây dựng văn bản điều hoà giám sát	Nghìn đồng /văn bản	800	250			- Bổ sung nội dung, mức chi này do tính chất công việc

Điều 8: Chi cho hoạt động chất vấn, giải trình; xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo; giám sát, khảo sát

1. Chi cho hoạt động chất vấn, giải trình; xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi tại Nghị quyết 16/NQ-HĐND		Mức chi mới		Thuyết minh điều chỉnh, bổ sung so với Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021
			Cấp TP	Cấp xã	Cấp TP	Cấp xã	
1.1	Xây dựng kế hoạch, chương trình; kịch bản phiên chất vấn, giải trình	Nghìn đồng /văn bản	800	250	2.000	1.000	- Điều chỉnh tăng do tính chất công việc

							<i>Tham khảo mức chi, nội dung chi tại Điều 6 Nghị quyết 524/2012/UBTVQH13 (mức chi từ 1.200.000 đồng đến 2.000.000 đồng/văn bản)</i>
1.2	Kết luận của chủ tọa về các ý kiến trả lời chất vấn, giải trình	nghìn đồng /văn bản	1.000	300	1.600	800	
1.3	Thông báo kết luận về chất vấn, giải trình	nghìn đồng /văn bản			3.000	1.000	- <i>Bổ sung nội dung, mức chi do tính chất công việc</i>
1.4	Báo cáo kết quả tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo theo quý, 6 tháng, năm của Thường trực Hội đồng nhân dân; Tổ Đại biểu Hội đồng nhân dân, Đại biểu Hội đồng nhân dân	nghìn đồng /văn bản	1.300	600	2.000	1.000	- <i>Tham khảo Điều 8 Nghị quyết 524/2012/UBTVQH13 (mức chi từ 1.200.000 đồng đến 2.000.000 đồng/báo cáo)</i> - <i>Điều chỉnh mức chi báo cáo kết quả tiếp công dân tại mục chi hoạt động khác sang mục chi hoạt động chất vấn, giải trình; xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo.</i> - <i>Điều chỉnh tăng mức chi do tính chất công việc</i>

2. Chi cho hoạt động giám sát, khảo sát

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi tại Nghị quyết 16/NQ-HĐND		Mức chi mới		Thuyết minh điều chỉnh, bổ sung so với Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021
			Cấp TP	Cấp xã	Cấp TP	Cấp xã	
2.1	Chi xây dựng Quyết định, Nghị quyết thành lập đoàn giám sát, khảo sát	Nghìn đồng /văn bản	650 2.000 (CĐ)	200 600 (CĐ)	2.000	1.000	- <i>Tham khảo Điều 6 Nghị quyết 524/2012/UBTVQH13 (mức chi từ 1,2 tr đến 2 triệu đồng/nghị quyết)</i> - <i>Điều chỉnh tăng mức chi do tính chất công việc.</i>
2.2	Chi xây dựng Kế hoạch giám sát, khảo sát	Nghìn đồng /văn bản	650	200	1.000	500	- <i>Điều chỉnh nội dung chi, mức chi cho hoạt động giám sát, khảo sát nói chung không</i>

2.3	Xây dựng đề cương giám sát, khảo sát	Nghìn đồng /văn bản	650	200	2.000	1.000	<i>tách thành giám sát thường xuyên, giám sát chuyên đề (theo quy định của Luật giám sát của Quốc hội và HĐND)</i>
2.4	Chương trình; Kịch bản điều hành; Tổng hợp ý kiến tham gia tại Hội thảo	Nghìn đồng /văn bản			1.000	500	- Điều chỉnh bổ sung mức chi do tính chất công việc.
2.5	Chi cho chuyên gia tham gia hoạt động giám sát, khảo sát	Nghìn đồng/ người/ buổi	4.000/ VB		4.000		- Điều chỉnh nội dung đơn vị tính do tính chất công việc. - Điều chỉnh không quy định nội dung, mức chi chuyên gia phục vụ hoạt động của HĐND cấp xã. - Trên cơ sở tham khảo Mức chi, đối tượng chi áp dụng thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 06/2026/NQ-HĐND ngày 20/4/2026 của HĐND thành phố.
2.6	Xây dựng Nghị quyết, báo cáo, thông báo kết luận về kết quả giám sát, khảo sát	Nghìn đồng /văn bản	1.000 3.000 (CĐ)	300 900 (CĐ)	3.000	1.000	- Điều chỉnh tăng mức chi do tính chất công việc. - Điều chỉnh gộp nội dung chi, mức chi cho hoạt động giám sát, khảo sát nói chung không tách thành giám sát thường xuyên, giám sát chuyên đề (theo quy định của Luật giám sát của Quốc hội và HĐND)
2.7	Hoạt động điều tra thống kê thu thập thông tin của Thường trực, các Ban HĐND thành phố						- Bổ sung nội dung, mức chi do tính chất công việc của HĐND cấp thành phố. - Tham khảo Mức chi, chế độ chi được quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC, Thông tư số 37/2022/TT-BTC, Thông tư số 03/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính - Tham khảo mức chi của HĐND tỉnh Hải Dương cũ.
	Người cung cấp thông tin vào phiếu khảo sát, điều tra thống kê: - Đối với tổ chức	Nghìn đồng/ phiếu			80		

	Người cung cấp thông tin vào phiếu khảo sát, điều tra thống kê: - Đối với cá nhân	Nghìn đồng/ phiếu			40		
	Người lấy phiếu khảo sát điều tra thống kê	Nghìn đồng/ phiếu			30		
	Lập mẫu phiếu khảo sát điều tra thống kê	Nghìn đồng/ Mẫu phiếu			1.000		
	Báo cáo tổng hợp thông tin khảo sát, điều tra thống kê	Nghìn đồng /văn bản			2.000		
2.8	Chế độ hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu, khách mời; cán bộ, công chức, người lao động tham gia hoạt động khảo sát, giám sát của Thường trực HĐND, các Ban HĐND thành phố						- Điều chỉnh bổ sung nội dung chi do tính chất công việc hoạt động giám sát của HĐND thành phố tại các địa bàn có khoảng cách lớn (Dự thảo quy định mới nội dung chi này thực hiện theo mức chi, nội dung chi tại mục 4.2, khoản 4, Điều 5 và áp dụng đối với HĐND thành phố)

Điều 9. Chi chế độ đối với đại biểu Hội đồng nhân dân

ST T	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi tại Nghị quyết 16/NQ-HĐND		Mức chi dự thảo xin ý kiến		Thuyết minh điều chỉnh, bổ sung so với Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021
			Cấp TP	Cấp xã	Cấp TP	Cấp xã	
3.1	Trang phục cho đại biểu Hội đồng nhân dân được cấp 01 lần trong năm đầu tiên của nhiệm kỳ	Nghìn đồng/ năm	6.500	3.200	3.000	2.000	Điều chỉnh tăng mức chi cho phù hợp với tình hình thực tế. Trong đó có tham khảo mức chi của các cơ quan cấp trên: - Khoản 3 Điều 12 Nghị quyết 524/2012/UBTVQH13: chi 10.000/nhiệm kỳ.

							- Quy định số 113-QĐ/VPTW quy định nội dung, mức chi hoạt động của tỉnh uỷ, thành uỷ bố trí chi cho cấp uỷ: 1tr/năm tương ứng 5 tr/nhiệm kỳ. Trong đó có nội dung: các đồng chí là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng hoặc là đại biểu Quốc hội hoặc là đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện theo chế độ của Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng hoặc đại biểu Quốc hội hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân. (Mỗi đối tượng chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất). - Dự kiến UBTVQH sửa đổi Nghị quyết 524 mới mức chi khoán 5 tr/năm (tương ứng 25 tr/nhiệm kỳ)
3.2	Hỗ trợ chi phí thông tin liên lạc cho đại biểu Hội đồng nhân dân	Nghìn đồng/tháng	650/năm	200/năm	300	150	- Điều chỉnh đơn vị tính nội dung chi chế độ thông tin liên lạc tính từ năm sang thực hiện theo tháng. Tham khảo thêm Nghị quyết 524/2012/UBTVQH13
3.3	Chi hoạt động phí hàng tháng cho đại biểu Hội đồng nhân dân	Nghìn đồng/người/tháng	0,5 mức lương cơ sở	0,3 mức lương cơ sở			- Bỏ không quy định nội dung chi này vì đã được quy định tại Nghị quyết số: 1206/2016/NQ-UBTVQH13.
3.4	Các khoản chi phúc lợi xã hội						
3.4.1	Chế độ khám, kiểm tra sức khỏe toàn diện định kỳ, nghỉ dưỡng hàng năm đối với đại biểu Hội đồng nhân dân (đại biểu HĐND được hưởng nhiều chế độ khác nhau, bao gồm cả của cấp uỷ đối	Nghìn đồng/người/năm	5.000	2.500	6.000	4.000	- Điều chỉnh tăng mức chi do tình hình thực tế (Tham khảo mức chi tại Nghị quyết 524/2012/UBTVQH13; mức chi của Nghị quyết số 45/2025/NQ-HĐND của HĐND thành phố Hải phòng).

	<i>với cùng nội dung chi này thì được hưởng mức chi cao nhất)</i>						<i>- Quy định bổ sung thêm đại biểu HĐND được hưởng nhiều chế độ khác nhau, bao gồm cả của cấp uỷ đối với cùng nội dung chi này thì được hưởng mức chi cao nhất.</i>
3.3.2	Thăm hỏi đại biểu Hội đồng nhân dân khi ốm đau (tối đa 2 lần/người/năm)	Nghìn đồng /người /lần	1.000	500	2.000	1.000	<i>- Tham khảo mức chi, chế độ chi của Nghị quyết 41/2025/NQ-HĐND của HĐND thành phố. - Điều chỉnh tăng mức chi cho phù hợp với tình hình thực tế</i>
3.3.3	Trợ cấp đại biểu Hội đồng nhân dân bị bệnh hiểm nghèo theo quy định của Bộ Y tế (tối đa 2 lần/người/năm)	Nghìn đồng/ người/ lần	5.000	2.500	10.000	5.000	<i>- Tham khảo mức chi, chế độ chi của Nghị quyết 41/2025/NQ-HĐND của HĐND thành phố - Điều chỉnh tăng mức chi cho phù hợp với tình hình thực tế</i>
3.3.4	Đại biểu Hội đồng nhân dân; đại biểu chuyên trách đã nghỉ hưu tại cơ quan Hội đồng nhân dân từ trần được tổ chức phúng viếng ¹ (Không bao gồm vòng hoa viếng và kinh phí vòng hoa thanh toán theo hoá đơn thực tế).	Nghìn đồng/ người	2.000	1.000	3.000	3.000	<i>Tham khảo mức chi, chế độ chi của Nghị quyết 41/2025/NQ-HĐND của HĐND thành phố - Bổ sung thêm nội dung vòng hoa viếng thanh toán theo hoá đơn thực tế - Điều chỉnh tăng mức chi cho phù hợp với tình hình thực tế</i>
3.3.5	Đại biểu Hội đồng nhân dân có cha, mẹ đẻ, cha, mẹ vợ (chồng), vợ (chồng), con đẻ chết được trợ cấp (Vòng hoa viếng: Thanh toán theo thực tế)	Nghìn đồng/ người	1.000	500	2.000	1.000	<i>Tham khảo mức chi, chế độ chi của Nghị quyết 41/2025/NQ-HĐND của HĐND thành phố - Bổ sung thêm nội dung vòng hoa viếng thanh toán theo hoá đơn thực tế - Điều chỉnh tăng mức chi cho phù hợp với tình hình thực tế</i>
3.3.6	Thăm hỏi đại biểu Hội đồng nhân dân gặp khó khăn do thiên tai, hỏa	Nghìn đồng/Người/	Tùy theo hoàn cảnh, mức độ thiệt		8.000	4.000	<i>- Điều chỉnh quy định mức chi cụ thể cho phù hợp tình hình thực tế và đơn vị tính là</i>

¹ Trong đó: (1) Nguyên đại biểu chuyên trách HĐND cấp tỉnh: do Thường trực HĐND thành phố tổ chức phúng viếng; (2) Nguyên đại biểu chuyên trách HĐND cấp huyện: do Thường trực HĐND cấp xã **nơi đại biểu đang cư trú tổ chức phúng** viếng; (3) Nguyên đại biểu chuyên trách HĐND cấp xã: do Thường trực HĐND cấp xã tổ chức phúng viếng.

	hoạn, tai nạn (Đối với những trường hợp đặc biệt, mức chi do Thường trực HĐND thành phố quyết định nhưng không vượt quá 30 triệu/đại biểu/năm)	lần	hại do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định nhưng không vượt quá 5 triệu đồng/đại biểu/lần và không quá 2 lần/năm				ngàn đồng/ người/lần. - Quy định rõ đối với những trường hợp đặc biệt, mức chi do Thường trực HĐND thành phố quyết định nhưng không vượt quá 30 triệu/đại biểu/năm.
3.3.7	Chi phúc lợi xã hội đối với cán bộ, công chức, nhân viên Văn phòng tham mưu, giúp việc trực tiếp cơ quan HĐND	Ngàn đồng/ người/ lần			Áp dụng mức chi theo quy định tại mục 3.3.2; 3.3.3; 3.3.4; 3.3.5; 3.3.6	Áp dụng mức chi theo quy định tại mục 3.3.2; 3.3.3; 3.3.4; 3.3.5; 3.3.6	- Giữ nguyên tắc tính so với phương án cũ. Có sự điều chỉnh tăng mức chi do mức chi tham chiếu có sự điều chỉnh.
3.3.8	Chi hỗ trợ cho các đối tượng là công chức Văn phòng trong việc ứng dụng chuyển đổi số, khai thác, truy cập thông tin, nghiên cứu tài liệu phục vụ trực tiếp hoạt động của HĐND thành phố.	Ngàn đồng/ người/ tháng			1.000		- Bổ sung nội dung, mức chi của cấp thành phố cho phù hợp với điều kiện thực tế chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin.
3.3.9	Trang phục đối với cán bộ, công chức, nhân viên Văn phòng trực tiếp phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân		Thường trực HĐND thành phố xem xét quyết định căn cứ vào khả năng chi của Ngân sách		Áp dụng bằng 80% mức chi của đại biểu	Áp dụng bằng 80% mức chi của đại biểu	- Quy định điều chỉnh nội dung áp dụng bằng 80% mức chi của đại biểu trên cơ sở khả năng ngân sách và quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025.
3.4	Hỗ trợ hoạt động đối với một số chức danh hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp xã						- Căn cứ tình hình thực tế và chế độ chính sách mới của đại biểu chuyên trách HĐND cấp tỉnh nên dự thảo Nghị quyết không quy

							<i>định mức hỗ trợ hoạt động đối với các chức danh chuyên trách của HĐND thành phố và không quy định hỗ trợ thành viên Ban kiêm nhiệm</i>
	Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND cấp xã	Nghìn đồng/ người/ tháng		500-400		500	- Điều chỉnh góp chế độ hỗ trợ hoạt động đối với chức danh Chủ tịch, Phó chủ tịch và áp dụng mức chi là 500 nghìn.
	Trưởng Ban, Phó trưởng Ban HĐND cấp xã	Nghìn đồng/ người/ tháng		400-250		400	- Điều chỉnh góp chế độ hỗ trợ hoạt động đối với chức danh Trưởng ban, Phó trưởng ban và áp dụng mức chi là 500 nghìn (không phân biệt đại biểu chuyên trách, đại biểu kiêm nhiệm).
3.5	Hỗ trợ hoạt động đối với Ủy viên các Ban Hội đồng nhân dân.	Nghìn đồng/ người/ tháng	300	150	500	200	- Đề nghị điều chỉnh tăng chế độ
3.6	Chi xây dựng kỷ yếu nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân và tặng quà lưu niệm cho đại biểu HĐND khi kết thúc nhiệm kỳ		Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố xem xét quyết định căn cứ khả năng chi ngân sách				- Căn cứ quy định của Luật ngân sách nhà nước 2025 và tình hình thực tiễn, Dự thảo Nghị quyết mới không quy định nội dung mức chi xây dựng kỷ yếu, tặng quà lưu niệm
3.7	Chi cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp		Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố xem xét quyết định (đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của đề án kỳ họp không giấy tờ)		Mỗi nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được trang bị 01 máy tính xách tay hoặc 01 máy tính bảng hoặc 01 thiết bị điện tử tương đương theo quy định hiện hành, phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số		- Căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025; quy định về quản lý sử dụng tài sản công. - Căn cứ nhu cầu thực tiễn công việc. Dự thảo nghị quyết đã có sự điều chỉnh quy định: Mỗi nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được trang bị 01 máy tính xách tay hoặc 01 máy tính bảng hoặc 01 thiết bị điện tử tương đương theo quy định hiện hành, phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số trong hoạt động của Hội đồng nhân dân.

				trong hoạt động của Hội đồng nhân dân.		
3.8	Chi cho hoạt động trao đổi, nghiên cứu kinh nghiệm về hoạt động của Thường trực HĐND, các Ban HĐND		Thực hiện theo kế hoạch, đề án cụ thể Thường trực HĐND phê duyệt			- Căn cứ quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn, dự thảo nghị quyết không quy định nội dung mức chi này.
3.9	Chi thi đua khen thưởng	Người/năm		Thực hiện theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng		- Căn cứ tình hình thực tiễn, dự thảo nghị quyết bổ sung nội dung quy định mức chi này.
3.10	Hỗ trợ tổ trưởng, tổ phó Tổ đại biểu HĐND					
	- Tổ trưởng	Nghìn đồng/tháng	400			- Căn cứ tình hình thực tiễn, dự thảo nghị quyết bổ nội dung quy định mức chi này.
	- Tổ phó	Nghìn đồng/tháng	250			